



# Phiếu An Toàn Hóa Chất - MSDS

## PHẦN 1: THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

### Brake and Clutch Fluid

**Loại sản phẩm:** Dầu phanh

**Tên sản phẩm cùng dòng:** Brake and Clutch Fluid DOT 3 ; Brake and Clutch Fluid DOT 4

**Mã sản phẩm:** 510662 ; 510663

**Tên và địa chỉ công ty:**

Công ty TNHH Dầu Nhớt Chevron Việt Nam  
Lô F4, Khu Công Nghiệp Đình Vũ, An Hải  
Hải Phòng  
Việt Nam

**Phản hồi thông tin trong các trường hợp khẩn cấp liên quan đến vận chuyển và sức khỏe:**

Các Trung tâm thông tin khẩn cấp Chevron: đặt tại Hoa Kỳ

Tiếp nhận các cuộc gọi quốc tế 24/24 giờ theo số: (800) 231-0623 hoặc (510) 231-0623

**Liên hệ để có thông tin về sản phẩm và MSDS:**

email : [CLVLTech@chevron.com](mailto:CLVLTech@chevron.com) ĐT: 04-7332545

## PHẦN 2: THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CỦA SẢN PHẨM

THÀNH PHẦN	SỐ ĐĂNG KÝ CAS	LƯỢNG
Triethylene glycol monobutyl ether	143-22-6	> 20 % khối lượng
Diethylene glycol	111-46-6	< 25 % khối lượng
Diethylene glycol monomethyl ether	111-77-3	1 - 5 % khối lượng

## PHẦN 3: THÔNG TIN VỀ CÁC ĐẶC TÍNH NGUY HẠI

**CẢNH BÁO NGUY HIỂM:**

- CÓ THỂ CHÁY
- CÓ THỂ GÂY HẠI HOẶC GÂY CHẾT NGƯỜI NẾU NUỐT PHẢI
- GÂY KÍCH ỨNG MẮT
- NGUY CƠ TIỀM TÀNG GÂY KHIẾM KHUYẾT SINH SẢN: CÓ THÀNH PHẦN CÓ THỂ GÂY KHIẾM KHUYẾT SINH SẢN THEO CÁC SỐ LIỆU NGHIÊN CỨU VỚI ĐỘNG VẬT
- CÓ THỂ GÂY TỒN HẠI CHO THẬN

**CÁC ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN SỨC KHỎE**

**Mắt:** Tiếp xúc với mắt có thể gây kích ứng mắt. Các triệu chứng có thể bao gồm đau, chảy nước mắt, đỏ mắt, sưng hoặc nhìn bị nhòà

**Da:** Tiếp xúc với da có thể gây khô da nhưng không thấy gây dị ứng. Các triệu chứng có thể bao gồm đau, ngứa, biến màu, sưng và gộp da. Không thấy có sự nguy hại nào cho các cơ quan nội tạng khi sản phẩm bị hấp thụ qua da. Thông tin liên quan đến thiết bị áp suất cao: sự cố phun bắn dầu vào da với vận tốc cao có thể gây thương tích nghiêm trọng. Cần khám chữa ngay nếu sự cố như thế xảy ra. Ban đầu ngay sau khi xảy ra, vết thương có vẻ không nghiêm trọng nhưng nếu không được chữa trị có thể dẫn đến sự biến dạng hoặc thậm chí phải cắt bỏ bộ phận bị thương tích.

**Tiêu hóa:** Độc hại ; gây hại hoặc nguy hiểm chết người nếu nuốt phải.

**Hô hấp:** Không thấy có sự nguy hại nào khi hít phải sản phẩm.

**CÁC TÁC ĐỘNG DÀI HẠN KHÁC**

**Kiểm khuyết sinh sản:** sản phẩm có thành phần có thể gây khuyết sinh sản theo các số liệu nghiên cứu trên động vật.

Các bộ phận có nguy cơ: theo số liệu nghiên cứu trên động vật, sản phẩm có thành phần có thể gây hại cho các bộ phận sau: thận.

Xem Phần 11 để có thêm thông tin. Mức độ rủi ro phụ thuộc và thời gian và mức phơi nhiễm.

#### PHẦN 4: CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

**Mắt:** Cần rửa ngay bằng cách cho vòi nước xối vào mắt mở to. Nếu có kính áp tròng, cần tháo bỏ sau khi rửa mắt sơ bộ, sau đó xối nước tiếp ít nhất là 15 phút. Cần khám bác sĩ nếu thấy vẫn bị kích ứng

**Da:** Cần rửa ngay và kỹ vùng da bị nhiễm bằng nước và xà phòng. Thay quần áo và giày bị nhiễm và loại bỏ hoặc giặt kỹ trước khi dùng lại. Cần khám bác sĩ nếu thấy triệu chứng bất thường.

**Tiêu hóa:** Nếu nuốt phải, cần đến khám bác sĩ ngay. Không ép gây nôn. Không cho bất cứ thứ gì vào miệng nạn nhân đang ngất xỉu.

**Hô hấp:** Không yêu cầu các biện pháp sơ cứu riêng biệt. Nếu hít thở phải không khí có nồng độ sản phẩm quá mức, thì cần phải di chuyển sang nơi có không khí trong lành. Cần khám bác sĩ nếu có triệu chứng ho và khó thở

**Thông tin cho bác sĩ:** trong trường hợp liên quan đến sự cố của thiết bị có áp suất cao, sản phẩm này có thể bị phun bắn vào da và có thể gây ra vết thương hở nhỏ, đôi khi không chảy máu. Với áp suất lớn, sản phẩm phun bắn vào đầu ngón tay có thể xâm nhập vào lòng bàn tay. Trong vòng 24 giờ thường là gây sưng tấy, da biến màu và đau nhói. Cần được chữa trị tại các phòng phẫu thuật cấp cứu.

#### PHẦN 5: CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Sản phẩm bị rò rỉ hoặc thoát ra từ các hệ thống có áp suất cao có thể gây ra hỏa hoạn nếu ở gần nguồn phát lửa (như bếp lửa, đèn, tia lửa điện)

##### CÁC ĐẶC TÍNH CHÁY:

**Điểm chớp cháy:** > 80°C (> 176°F)

**Nhiệt độ tự bốc cháy:** > 300°C (> 572°F)

**Nồng độ tới hạn cháy / nổ (% thể tích trong không khí):** Giới hạn trên: không áp dụng ; Giới hạn dưới: không áp dụng

**CHẤT DẬP LỬA:** Dùng bình phun nước, bột, hóa chất khô hoặc carbon dioxide (CO<sub>2</sub>) để dập lửa.

##### BẢO VỆ NGƯỜI CỨU HỎA:

**Hướng dẫn cứu hỏa:** sản phẩm sẽ cháy mặc dù không dễ bén lửa. Trong trường hợp hỏa hoạn liên quan đến sản phẩm thì không được đi vào vùng đóng kín hoặc bị lửa vây mà không có các thiết bị bảo vệ phù hợp trong đó có thiết bị cung cấp khí thở.

**Thành phần chất cháy:** Phụ thuộc nhiều vào điều kiện cháy. Là hỗn hợp chất rắn, chất lỏng lơ lửng trong không khí và các chất khí như carbon monoxide, carbon dioxide và hợp chất hữu cơ không xác định được hình thành khi sản phẩm cháy.

#### PHẦN 6: CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU SỰ CỐ

**Phòng ngừa:** loại trừ tất cả nguồn gây lửa trong vùng cận kề nơi sản phẩm loang nhiễm hoặc hơi khí thoát ra. Nếu sản phẩm thoát ra ở nơi làm việc, cần sơ tán người ngay ra khỏi nơi đó. Kiểm tra khu vực bằng dụng cụ phát hiện khí gây cháy.

**Khắc phục loang nhiễm:** cần loại trừ nguồn rò rỉ, nếu thấy an toàn khi thực hiện. Ngăn chặn sự chảy loang để hạn chế sự nhiễm bẩn đất, mặt nước và nước ngầm. Dọn sạch vết loang nhiễm càng sớm càng tốt nhưng cần tuân thủ các hướng dẫn trong phần Kiểm soát phơi nhiễm / Bảo vệ cá nhân. Sử dụng các biện pháp thích hợp như các vật liệu hấp thụ không cháy hoặc bơm hút sản phẩm loang. Các thiết bị thao tác được sử dụng cần phải nối đất. Có thể dùng bột chống bay hơi để hạn chế sự bay hơi của sản phẩm. Dùng các dụng cụ sạch, không đánh lửa để thu gom chất hấp thụ. Loại bỏ phần đất bị nhiễm nếu thấy khả thi và thích hợp. Dùng các vật liệu bị nhiễm sản phẩm trong các thùng chứa dùng một lần và thải bỏ đúng cách theo các quy định số tại hiện hành.

**Báo cáo:** Báo cáo sự cố loang sản phẩm cho cơ quan thẩm quyền theo quy định hoặc theo yêu cầu.

#### PHẦN 7: CÁC YÊU CẦU TRONG THAO TÁC VÀ LƯU KHO

**Các biện pháp phòng ngừa:** Khí bay hơi từ sản phẩm có thể bắt lửa và cháy nổ. Khí bay hơi không nhìn thấy có thể lan tỏa dễ dàng và bắt lửa từ nhiều nguồn như bật lửa, máy hàn, động cơ hoặc công tắc điện. Nguy cơ hỏa hoạn sẽ cao hơn nếu nhiệt độ của chất lỏng vượt quá 29°C (85°F).

**KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM CHO CÁC HỆ THỐNG ÁP SUẤT CAO** ở gần nguồn lửa, tia lửa điện hoặc các bề mặt nóng. Chỉ sử dụng ở những nơi thông gió tốt. Luôn đậy kín các thùng chứa.

Không để sản phẩm tiếp xúc với mắt, da hoặc quần áo. Không ném hoặc nuốt sản phẩm. Rửa kỹ sau khi thao tác. Để xa tầm với của trẻ em.

**Nguy cơ tích tĩnh điện:** Tĩnh điện có thể được tích tụ và tạo ra trạng thái nguy hiểm khi thao tác sản phẩm. Để hạn chế nguy cơ, sự kết nối và tiếp đất là điều cần thiết nhưng có thể là chưa đủ. Cần phải xem xét tất cả các công đoạn thao tác có khả năng gây ra và tích tụ tĩnh điện hoặc hỗn hợp khí dễ cháy (như công đoạn cấp sản phẩm vào thùng chứa mà sản phẩm bị văng té, công đoạn làm sạch thùng chứa, lấy mẫu, cân đo, sang chuyển, khuấy trộn và vận chuyển bằng bơm hút) và áp dụng những biện pháp thích hợp để giảm thiểu nguy cơ.

Thông tin chung về lưu trữ: KHÔNG SỬ DỤNG HOẶC LƯU TRỮ sản phẩm gần nguồn nhiệt, tia lửa điện, lửa hoặc bề mặt nóng. CHỈ SỬ DỤNG VÀ LƯU TRỮ ở nơi thông gió tốt. Đậy kín thùng chứa khi không sử dụng.

**Cảnh báo trên bao bì và thùng chứa:** bao bì và thùng chứa không được thiết kế để chịu áp suất. Không dùng áp suất để tháo sản phẩm từ thùng chứa vì có thể bị bung vỡ tạo xung lực. Các thùng rỗng còn lưu sản phẩm thừa (chất rắn, lỏng và/hoặc khí) có thể gây nguy hiểm. Không tạo áp suất, cắt, hàn, khoan mài hoặc để thùng chứa tiếp xúc với nguồn nhiệt, lửa, tia lửa điện, tĩnh điện hoặc các nguồn gây cháy khác. Thùng chứa có thể nổ gây thương tích hoặc tử vong. Thùng rỗng cần tháo bỏ hết hoàn toàn sản phẩm, làm kín và chuyển ngay về nơi tái chế hoặc thải bỏ đúng cách.

## PHẦN 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN

### LƯU Ý CHUNG:

Cần xem xét các tính nguy hiểm tiềm tàng của sản phẩm (PHẦN 3), các quy định hiện hành về phơi nhiễm với sản phẩm, các hoạt động của công việc và các yếu tố khác tại nơi làm việc để lựa chọn các giải pháp kiểm soát kỹ thuật và các dụng cụ bảo vệ cá nhân. Khi các biện pháp kỹ thuật hoặc quy trình làm việc không đủ để tránh mức phơi nhiễm có hại thì các thiết bị bảo vệ cá nhân dưới đây được khuyến nghị sử dụng. Người sử dụng cần đọc và hiểu mọi hướng dẫn về sử dụng và giới hạn được cấp kèm theo với thiết bị vì sự bảo vệ chỉ hiệu quả trong khoảng thời gian và môi trường có giới hạn nhất định.

### CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT KỸ THUẬT:

Sử dụng sản phẩm ở khu vực được thông gió tốt.

### DỤNG CỤ BẢO VỆ CÁ NHÂN:

**Bảo vệ mắt/mặt:** Hãy dùng dụng cụ bảo hộ để tránh tiếp xúc với sản phẩm. Các dụng cụ lựa chọn có thể bao gồm kính an toàn, kính mắt chống hóa chất, mặt nạ hoặc mũ trùm nhiều loại, tùy theo điều kiện công việc.

**Bảo vệ da:** Hãy dùng dụng cụ bảo hộ để tránh tiếp xúc với sản phẩm. Các dụng cụ bảo hộ lựa chọn có thể bao gồm găng tay, tạp dề, ủng và dụng cụ bảo vệ toàn bộ mặt, tùy theo điều kiện công việc. Các chất liệu của găng tay bảo hộ có thể là: Butyl, Cao su tự nhiên, Polyethylene, Polyvinyl Chloride (PVC hoặc Vinyl).

**Bảo vệ hô hấp:** Bình thường không yêu cầu có sự bảo vệ hô hấp.

Hãy dùng loại mặt nạ có bộ cấp khí bằng áp suất trong những trường hợp mặt nạ lọc khí không bảo đảm sự bảo vệ cần thiết.

Không có các giới hạn phơi nhiễm áp dụng cho sản phẩm này và các thành phần của nó.

## PHẦN 9: CÁC ĐẶC TÍNH LÝ HÓA

**Chú ý:** các dữ liệu dưới đây là những trị số tiêu biểu và không cấu thành quy chuẩn.

**Màu sắc:** Từ không màu đến vàng

**Trạng thái vật lý:** Chất lỏng

**Mùi:** Mùi nhẹ đến trung bình

**pH:** 7 – 10,5

**Áp suất bay hơi:** < 200 Pa ở 20°C (68°F)

**Mật độ hơi (không khí = 1):** không có số liệu

**Điểm sôi:** > 205°C (401°F)

**Đặc tính tan:** có thể hòa trộn

**Điểm tan chảy:** < -50°C (-58°F)

**Khối lượng riêng:** 1,01 – 1,07 g/mL ở 20°C (68°F)

**Độ nhớt:** 5 mm<sup>2</sup>/s @ 20°C (68°F) (Tối thiểu)

## PHẦN 10: ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH

**Độ ổn định hóa học:** Sản phẩm được cho là ổn định trong điều kiện nhiệt độ và áp suất của môi trường thao tác và bảo quản bình thường được kiểm soát.

**Độ không tương thích với các chất khác:** Sản phẩm có thể phản ứng với các a-xit mạnh hoặc các chất ô xy hóa mạnh như chlorates, nitrates, peroxides v.v.

**Chất phân hủy nguy hiểm:** không thấy (không có nguy cơ)

**Phản ứng polyme hóa nguy hiểm:** Hiện tượng polyme hóa không xảy ra.

## PHẦN 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC HẠI

**Kích ứng mắt:** Nguy cơ gây kích ứng mắt dựa trên sự đánh giá các dữ liệu của các chất hoặc thành phần sản phẩm tương tự.

**Kích ứng da:** Nguy cơ gây kích ứng da dựa trên sự đánh giá các dữ liệu của các chất hoặc thành phần sản phẩm tương tự.

**Mẫn cảm da:** không có dữ liệu về mức độ hại.

**Độc hại da cấp tính:** Nguy cơ gây độc hại da cấp tính dựa trên sự đánh giá các dữ liệu của các chất hoặc thành phần sản phẩm tương tự.

**Độc hại đường miệng cấp tính:** Nguy cơ gây độc hại đường miệng cấp tính dựa trên sự đánh giá các dữ liệu của các chất hoặc thành phần sản phẩm tương tự.

**Độc hại đường hô hấp cấp tính:** Nguy cơ gây độc hại đường hô hấp cấp tính dựa trên sự đánh giá các dữ liệu của các chất hoặc thành phần sản phẩm tương tự.

### CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG VỀ ĐỘC HẠI

Sản phẩm này chứa diethylene glycol (DEG). Liều lượng gây chết người khi nuốt phải là khoảng 50 cc (1,6 oz) cho người lớn. DEG đã gây ra các tác động đến động vật thí nghiệm: gây bất thường cho gan, máu, gây hại cho thận. Dự đoán có các tác động sau đối với người: gây bất thường cho gan, tổn hại đến thận, phổi và hệ thống thần kinh trung ương.

Sản phẩm có chứa diethylene glycol monomethyl ether (DiEGME) (CAS: 111-77-3) có thể là một tác nhân nguy hại đến sinh sản. DiEGME gây độc hại bào thai và các tác động bất lợi cho sự phát triển sơ sinh trong các thí nghiệm cho chuột mang thai uống sản phẩm từ ngày thứ 7 đến ngày thứ 17 trong thời gian thai nghén mà không có sự độc hại chuột mẹ. Mức chưa thấy tác động (NOEL) bào thai là 200 mg/kg/ngày (mức thấp nhất gây tác động - LOEL là 600 mg/kg/ngày). Những tác động bào thai tương tự cũng được ghi nhận đối với thỏ mang thai cho uống sản phẩm từ ngày thứ 6 đến ngày 18 của chu kỳ thai nghén. Mức chưa thấy tác động (NOEL) bào thai là 50 mg/kg/ngày (mức thấp nhất gây tác động - LOEL là 250 mg/kg/ngày).

## PHẦN 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

### MỨC ĐỘC HẠI SINH THÁI

Không thấy các tác hại với các sinh vật nước. Nguy cơ độc hại sinh thái được đánh giá dựa trên các số liệu của sản phẩm hoặc thành phần tương tự.

### PHÂN HỦY TRONG MÔI TRƯỜNG

Sản phẩm được kỳ vọng là chất phân hủy sinh học nhanh.

## PHẦN 13: NHỮNG LƯU Ý KHI THẢI BỎ

Hãy sử dụng sản phẩm đúng mục đích và tái sử dụng nếu có thể. Nếu phải thải bỏ, sản phẩm có thể đạt các tiêu chí của chất thải nguy hại theo quy định quốc tế, của nước sở tại hoặc địa phương.

## PHẦN 14: THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Những mô tả vận chuyển được nêu có thể không áp dụng cho tất cả các trường hợp vận chuyển. Cần tham khảo quy định 49CFR hoặc các Quy định về Hàng hóa nguy hiểm thích hợp để biết các yêu cầu bổ sung về mô tả vận chuyển (như tên kỹ thuật) và các yêu cầu vận chuyển riêng biệt về phương thức hoặc khối lượng.

**Mô tả vận chuyển IMO/IMDG:** KHÔNG QUY ĐỊNH NHƯ LÀ CHẤT NGUY HIỂM CHO VẬN CHUYỂN THEO IMDG

**Mô tả vận chuyển ICAO/IATA:** KHÔNG QUY ĐỊNH NHƯ LÀ CHẤT NGUY HIỂM CHO VẬN CHUYỂN THEO ICAO

## PHẦN 15: THÔNG TIN VỀ CHẾ ĐỊNH

### CÁC DANH SÁCH CHẾ ĐỊNH ĐƯỢC TÌM KIẾM

01-1=IARC Nhóm 1

01-2A=IARC Nhóm 2A

01-2B=IARC Nhóm 2B

Không có thành phần nào của sản phẩm nằm trong các danh sách chế định trên.

### ĐĂNG KIỂM HÓA CHẤT:

Tất cả các thành phần của sản phẩm tuân thủ các yêu cầu về đăng kiểm hóa chất của: DSL (Ca-na-đa), EINECS (Liên minh Châu Âu), ENCS (Nhật Bản), IECSC (Trung Quốc), PICCS (Phi-lip-pin), TSCA (Hoa Kỳ).

Một hoặc nhiều thành phần không tuân thủ với các yêu cầu đăng kiểm hóa chất của: AICS (Úc), KEICI (Hàn Quốc).

#### CÁC MÔ TẢ VỀ NGUY CƠ VÀ AN TOÀN CỦA EU:

R10: Có thể cháy

R22: Có hại nếu nuốt phải

R25: Độc hại nếu nuốt phải

R36: Kích ứng mắt

R48/25: Độc hại: có nguy cơ gây hại nghiêm trọng cho sức khỏe do phơi nhiễm kéo dài bằng đường miệng.

R61: Có thể gây hại cho thai nhi

S25: Tránh tiếp xúc với mắt

S26: Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, cần xối rửa nhiều nước ngay và khám bác sĩ.

S39: Cần dùng dụng cụ bảo vệ mắt/mặt

S45: Trong trường hợp có sự cố hoặc người cảm thấy không khỏe, cần khám bác sĩ ngay (mang theo nhãn sản phẩm nếu có thể).

S51: Chỉ sử dụng ở nơi thông gió tốt.

S53: Tránh phơi nhiễm – cần có hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng

#### PHÂN LOẠI THEO WHMIS:

Loại B, Nhóm 3: Chất lỏng có thể cháy

Loại D, Nhóm 1, Tiểu nhóm B: Chất độc hại – Nguy hiểm chết người

Loại D, Nhóm 2, Tiểu nhóm A: Chất rất độc hại – Nguy cơ gây quái thai và độc hại bào thai

Loại D, Nhóm 2, Tiểu nhóm B: Chất độc hại – Gây kích ứng da hoặc mắt

#### PHẦN 16: CÁC THÔNG TIN KHÁC

#### KHUYẾN NGHỊ NHÃN HIỆU:

Loại nhãn: DẦU PHANH 1 – BRK1 ; CHẤT CHÁY 1 – COM1

**CÔNG BỐ VỀ HIỆU CHỈNH:** Đây là Phiếu An Toàn Hóa Chất mới

**Ngày hiệu chỉnh:** 22/12/2006

#### NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT CÓ THỂ ĐÃ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU NÀY:

TLV - Threshold Limit Value (Giá trị ngưỡng giới hạn)	TWA - Time Weighted Average - Giá trị bình quân gia quyền theo thời gian
STEL - Short-term Exposure Limit - Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn	PEL - Permissible Exposure Limit - Giới hạn phơi nhiễm cho phép
WHMIS - Workplace Hazardous Materials Information System - Hệ thống thông tin an toàn hóa chất tại nơi làm việc	CAS - Chemical Abstracts Service - Dịch vụ đăng ký hóa chất
ACGIH - American Conference of Governmental Industrial Hygienists - Hội nghị các chuyên viên vệ sinh công nghiệp chính phủ Hoa Kỳ	IMO/IMDG - International Maritime Dangerous Goods Code - Mã hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế
API - American Petroleum Institute - Viện dầu mỏ Hoa Kỳ	MSDS - Material Safety Data Sheet - Phiếu An Toàn Hóa Chất
CVX - Chevron	NFPA - National Fire Protection Association (USA) - Hiệp hội chống cháy quốc gia (Hoa Kỳ)
DOT - Department of Transportation (USA) – Bộ Giao Thông Vận Tải (Hoa Kỳ)	NTP - National Toxicology Program (USA) - Chương trình quốc gia về độc hại (Hoa Kỳ)
IARC - International Agency for Research on Cancer - Cơ quan nghiên cứu ung thư quốc tế	OSHA - Occupational Safety and Health Administration - Ủy Ban quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp

Biên soạn theo Tiêu chuẩn quốc tế (ISO 11014-1) bởi Chevron Energy Technology Company, 100 Chevron Way, Richmond, California 94802.

**Những thông tin trong tài liệu này dựa trên những cơ sở dữ liệu mà chúng tôi nhận thức và tin tưởng là**

đúng cho đến thời điểm hiện tại. Do những thông tin này có thể sẽ được sử dụng trong những điều kiện không quen thuộc nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi và do sự phát triển của cơ sở dữ liệu về sau có thể dẫn đến sự thay đổi các thông tin nên chúng tôi không chịu bất cứ trách nhiệm nào liên quan đến hậu quả của việc sử dụng tài liệu này. Những thông tin này được cung cấp với điều kiện người nhận sẽ tự đánh giá mức độ phù hợp của tài liệu với mục đích sử dụng của người đó.